

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

2. Bà **Hàn Hòa Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Phạm Phương Hạnh** – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-HN ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đơn Nguyệt P**, sinh năm 1969

Địa chỉ: 126/14/7 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Y, Chuc Hung**, sinh năm 1966

Địa chỉ: khóm 003, phường Đông Thăng, khu Thụ Lâm, Thành phố Tân Bắc, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 và bản tự khai ngày 27/4/2017, nguyên đơn bà Đơn Nguyệt P trình bày:

Bà và ông Y, Chuc Hung tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2219 quyền số 12 ngày 10/9/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở Việt Nam 01 tháng thì ông Y, Chuc Hung trở về Đài Loan và từ đó đến nay ông chưa trở lại Việt Nam thăm vợ. Đôi bên chỉ liên lạc với nhau qua mạng line nhưng việc liên lạc cũng không thường xuyên do ông Y, Chuc Hung luôn thay đổi nick, việc liên lạc thưa dần đến tháng 3/2016 thì ông Y, Chuc Hung có quan hệ tình cảm với người phụ nữ

sang Đài Loan hợp tác lao động ở gần nhà của ông. Từ đó ông có những lời lẽ thô tục đối với bà và còn gởi hình ảnh của ông và người phụ nữ kia cho bà bằng line trên mạng xã hội. Bà xác định không còn tình cảm với chồng, không muốn tiếp tục cuộc sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Y, Chuc Hung cư trú ở Đài Loan, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi văn bản Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 363/UTTPDS-TA30 ngày 23/8/2017. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 23/5/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 22/6/2018. Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan ngày 06/10/2017. Ngày 21/3/2018, Tòa án nhận được văn bản của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do địa chỉ không chính xác.

Bà Đơn Nguyệt P có lời khai không cung cấp được địa chỉ khác của ông Y, Chuc Hung và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đơn Nguyệt P được ly hôn ông Y, Chuc Hung. Con chung: không có. Tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Đơn Nguyệt P đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Y, Chuc Hung cư trú tại Đài Loan; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại Văn bản số 536/CAH-AN ngày 01/11/2018 của Công an huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai có cung cấp kết quả xác minh: ông Y Chuc Hung, sinh năm 1966, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) có giấy chứng nhận thường trú tại số nhà 21, ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai. Hộ chiếu số 12063563. Từ tháng 5/2018 ông Y Chuc Hung đã xuất cảnh sang Đài Loan, không có mặt tại địa phương.

Căn cứ điểm c Khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; ngày 24/4/2018, Tòa án có văn bản số 247/TAND-CV gửi Văn phòng Kinh tế- Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc – Đài Loan về việc đăng tải trên cổng thông tin điện tử bản dịch thông báo cho bị đơn về thời gian giải quyết vụ án ly hôn nhưng đến ngày mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Y Chuc Hung và ông cũng không có mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Nguyên đơn bà Đơn Nguyệt P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Đơn Nguyệt P và ông Y, Chuc Hung tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 2219 quyển số 12 ngày 10/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Đơn Nguyệt P thì sau khi kết hôn 01 tháng bà ở Việt Nam còn chồng về Đài Loan sinh sống, từ đó đến nay chưa sang Việt Nam thăm vợ. Vợ chồng liên lạc với nhau chủ yếu qua mạng internet. Thời gian đầu cũng hạnh phúc bình thường, sau đó việc liên lạc thưa dần đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Y, Chuc Hung có tình cảm với người phụ nữ khác sống gần nhà ông, vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau nên tình cảm lạnh nhạt. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân nên có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đơn Nguyệt P.

Về con chung: bà P khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà P khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đơn Nguyệt P được ly hôn ông Y, Chuc Hung.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 2219 quyển số 12 ngày 10/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: bà Đơn Nguyệt P khai không có.

3. Về tài sản chung: bà Đơn Nguyệt P khai không có.

Nếu có tranh chấp về con chung, tài sản chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đơn Nguyệt P nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, căn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà P đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0033697 ngày 07/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đơn Nguyệt P đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Đơn Nguyệt P và bị đơn ông Y, Chuc Hung; bà Đơn Nguyệt P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Y, Chuc Hung được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy

Hàn Hòa Thuận

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

Hàn Hòa Thuận

Trần Thị Nhung